

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/HC-PT

Ngày: 15/4/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý nhà nước về đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông **Phạm Ngọc Thái**.
- **Các Thẩm phán:** ông **Lê Văn Thường** và ông **Phạm Văn Hợp**.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà **Trần Thị Thắng**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 342/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Lê Văn Â, sinh năm 1961; địa chỉ: số A L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- **Người bị kiện:**

- Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: số A H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn D - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Quyết định về việc ủy quyền số 233/QĐ-UBND ngày 27/02/2023*). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Bà Nguyễn Thị H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Hồng O - Trưởng phòng Tư pháp thành phố Đông Hà; (*Quyết định về việc giao nhiệm vụ làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 231/QĐ-UBND và số 232/QĐ-UBND ngày 27/02/2023*). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: số A đường H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Trương Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1965; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị H2, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Ngọc M, bà Mai Thị Tuyết N; địa chỉ: số D đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và ông Lê Văn Á (*Giấy ủy quyền ngày 28/8/2021*). Vắng mặt.

- Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ, Quảng Trị. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường Đ: ông Nguyễn Anh Q1 - Công chức địa chính, xây dựng (*Quyết định về việc ủy quyền số 119/QĐ-UBND ngày 10/7/2023*). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người khởi kiện ông Lê Văn Á trình bày:

Bà Hoàng Thị T1 (mẹ của ông Lê Văn Á) là người có đơn khởi kiện Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thành phố Đ. Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm tại bản án số 19/2020/HC-ST ngày 29/10/2020 xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Sau đó, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hoàng Thị T1 kháng cáo và được Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết định số

154/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ và yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND phường Đ giải quyết lại đối với khiếu nại của bà Hoàng Thị T1 theo quy định của Luật khiếu nại.

Sau đó, Chủ tịch UBND phường Đ giải quyết khiếu nại lại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại này, ông Á khiếu nại Quyết định số 182/QĐ-UBND. Ngày 27/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022.

Nguồn gốc thửa đất: vợ chồng ông Lê Văn D1 và bà Hoàng Thị T1 (bố mẹ của ông Lê Văn Á) đã làm nhà và canh tác trên thửa đất tại làng A, xã C, quận C (nay là khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị). Việc này không những được cả làng thừa nhận mà ngay chế độ cũ thừa nhận tại quyền “*tạm bộ điền thổ*” thôn A, xã C của quận trưởng quận C ngày 05/10/1956, trong đó ghi rõ ở số thứ tự 184 là “*nương ông D1*” với diện tích 954m². Sau này, ngày 24/12/1998, UBND phường Đ cũng xác nhận và vào ngày 26/7/2018 trưởng làng và các bậc cao niên trong làng và các hộ liên kề cũng đồng ý ký tên xác nhận.

Năm 1990, khi làm đường Q (đường dẫn vào cầu Đ), Nhà nước đã thu hồi phần đất phía Bắc cầu Đông Hà để xây dựng đường dẫn vào cầu (theo quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 14/12/1990 của UBND tỉnh Q), theo đó chỉ thu hồi phần diện tích đất toàn tuyến có chiều dài 02km từ ngã tư S đến Bắc cầu Đ và chiều rộng là 31m. Trong quyết định thu hồi đó có một phần đất trong tổng diện tích mà bố mẹ ông Á đã an cư và canh tác nhưng không ghi diện tích bị thu hồi là bao nhiêu. Năm đó, mẹ ông Á là bà Hoàng Thị T1 chỉ được đền bù cây cối và phần tài sản trên đất với trị giá hơn 5 triệu đồng do anh trai là ông Lê Văn Q nhận.

Trên phần đất bị thu hồi, Nhà nước có xây một cái cống ngang qua đường, Nhà nước đã quy hoạch phần đất nối với hai đầu cống để làm mương thoát nước, trong đó một phần thuộc đất của gia đình ông Á và một phần là của gia đình bà Hồ Thị Q2 (Quơ) liền kề. Sau đó, Nhà nước không dùng đất này làm mương thoát nước mà đã quy hoạch đất ở đô thị và cho bán đấu giá nên gia đình ông Á không đồng ý.

Chủ tịch UBND phường Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ cho rằng: Theo bản đồ địa chính năm 2001 thì phần diện tích 92m² đó là “*mương thủy lợi*” và theo quyết định số 582/QĐ-UB ngày 27/4/2000 của UBND tỉnh Q cấp cho bà Hoàng Thị T1 diện tích 546m² đất ở, phía T giáp giáp với mương thoát nước; vị trí của mương thủy lợi và mương thoát nước là trùng nhau để kết luận rằng 92m² đất này không phải của bà T1 mà do UBND phường Đ quản lý.

Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Tạm giao diện tích đất 92m² tại thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ cho ông Lê Văn Á và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2023, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Buộc UBND thành phố Đ phải thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40, diện tích 92m²; địa chỉ thửa đất: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người bị kiện UBND thành phố Đ **trình bày**:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Á (lần 2).

+ Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Ngày 24/11/2021, Chủ tịch UBND phường Đ ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Văn Á trú tại khu phố D, Phường A, thành phố Đ. Ngày 07/12/2021, ông Lê Văn Á có đơn khiếu nại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ nội dung tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ.

Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Lê Văn Á là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại ngày 11/11/2021.

+ Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:

Xét đơn khiếu nại ghi ngày 07/12/2021 của ông Lê Văn Á trú tại khu phố D, Phường A, thành phố Đ:

Ngày 20/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành thông báo số 205/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và Quyết định số 3345/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Trên cơ sở đó, ngày 21/12/2021, tổ xác minh đã ban hành kế hoạch số 01/KH-TXM xác minh nội dung khiếu nại của ông Lê Văn Á. Ngày 18/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ tổ chức đối thoại với người khiếu nại, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến khiếu nại của ông Lê Văn Á. Ngày 28/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành thông báo số 18/TB-UBND về việc công khai Quyết định số 237/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Á.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 là đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

+ Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Phần diện tích 92m² thuộc một phần của thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40, thể hiện là nương thủy lợi (theo bản đồ địa chính năm 2001 của phường Đ). Theo quyết định số 1433/QĐ-UB ngày 02/12/1998 thể hiện là nương thủy lợi của UBND tỉnh Q về việc giao đất xây dựng nhà ở (Hợp thức hóa) cho bà Hoàng Thị T1 đã thể hiện phía T thửa đất bà Hoàng Thị T1 là công thoát nước. Ngày 27/4/2000, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 582/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSD đất số Q 054998 cho bà Hoàng Thị T1 với diện tích 546m² có vị trí, hình thể, kích thước, diện tích không thay đổi so với thời điểm giao đất. Sau khi được cấp giấy CNQSD đất, bà Hoàng Thị T1 đã chuyển nhượng một phần đất cho ông K Trung Sơn giáp nương thoát nước và tại giấy chứng nhận vẫn thể hiện liền kề phía Tây Bắc thửa đất của gia đình bà T1 là đất nương thoát nước. Qua đó, thấy rằng, theo các hồ sơ tài liệu đều xác định liền kề phía T thửa đất của bà Hoàng Thị T1 là nương thoát nước, không có tên bà T1.

Liên quan đến hồ sơ 299/TTg của phường Đ: thực hiện chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước. Trong giai đoạn từ năm 1983 đến năm 1987, thị xã (nay là thành phố Đ) đã cơ bản hoàn thành bộ hồ sơ địa chính (8/9 phường đã hoàn thành và có bộ sổ đăng ký ruộng đất 5a và 5b). Riêng phường Đ thuộc xã C, sau này tách một phần thành xã C, huyện C một phần là phường Đ, thành phố Đ chưa hoàn thành dẫn đến những khó khăn, vướng mắc và ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người dân Đ. Ngày 14/02/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành công văn số 170/TTg về việc vướng mắc liên quan đến đất đai khi thực hiện chỉ thị 299/TTg. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các cấp, UBND phường Đ đã thông báo cho các hộ gia đình để đăng ký, lập danh sách và công khai theo quy định. Sau đó, UBND thành phố đã phê duyệt (3 đợt) danh sách các hộ được giải quyết hồ sơ 299/TTg về công nhận diện tích đất ở với tổng số là 552 hộ. Riêng hộ gia đình bà Hoàng Thị T1 đã được cấp giấy CNQSD đất với toàn bộ diện tích đang sử dụng 546m² đất đang sử dụng là đất ở, phần diện tích 92m² nằm trong thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40, gia đình bà T1 không kê khai, đăng ký.

Qua quá trình xác minh lấy ý kiến đều cho rằng phần diện tích 92m² nằm trong thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40 là nương thoát nước được hình thành tự nhiên từ trước năm 1975. Hiện trạng là công thoát nước và có ống cống đi qua đường Q, đất do UBND phường quản lý, không có ai sử dụng từ trước đến nay. Cho đến năm 2017, ông Hoàng Phước H3 đã thực hiện hành vi lấn chiếm đất và đã xây dựng công trình nhưng gia đình ông A không có ý kiến gì, UBND phường Đ đã thông báo và hộ gia đình ông P đã tự tháo dỡ công trình vi phạm, trả lại đất cho UBND phường quản lý.

Theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T4 thì Q3 tạm bộ điền thổ không phải là giấy tờ quy định về quyền sử dụng đất. Mặt khác, quá trình xác minh ông Lê Văn Á không cung cấp thêm các giấy tờ khác có liên quan chứng minh phần diện tích 92m² đất là của gia đình ông Á.

Từ những phân tích trên, việc ông Lê Văn Á yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Á là không đúng.

Đối với yêu cầu tạm giao diện tích 92m² tại thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40, khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho ông Lê Văn Á và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cho họ được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất: Từ việc khẳng định quá trình giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với trường hợp ông Lê Văn Á là đúng theo quy định của pháp luật về khiếu nại và pháp luật đất đai nên việc ông Á yêu cầu tạm giao diện tích trên cho ông Á và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan để làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất là không đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 17, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Văn Á:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Buộc UBND thành phố Đ phải thực hiện việc cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40, diện tích 88m²; địa chỉ thửa đất: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoàng Thị T1 là ông Lê Văn Á, ông Lê Văn Q, bà Trương Thị T, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2; thửa đất có vị trí như sau:

- + Cạnh phía Đông Bắc (điểm 4 đến điểm 7) có chiều dài 4m;
- + Cạnh phía T (điểm số 6 đến điểm số 7) có chiều dài 22,49m + 1,17m;
- + Cạnh phía T (điểm số 5 đến điểm số 6) có chiều dài 4m;

+ Cạnh phía Đông Nam (điểm số 4 đến điểm số 5) có chiều dài 19,98m + 0,92m.

(Kèm theo sơ đồ).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 15/9/2023, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đồng thời là người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy:

[1.1] Ông Lê Văn Á khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ và buộc UBND thành phố Đ phải thực hiện việc cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40, diện tích 92m² tại khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho ông Lê Văn Á và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 25/3/2023, ông Á có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ. Các quyết định này có ảnh hưởng đến quyền lợi gia đình ông Á nên là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính.

Xét thấy: ngày 24/11/2021, Chủ tịch UBND phường Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND; ngày 27/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND. Ngày 13/01/2023, ông Á đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì vụ án còn thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ:

- Căn cứ Điều 17 Luật khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân

huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp. Do đó, việc Chủ tịch UBND phường Đ giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện Bản án hành chính số 153/2021/HC-PT ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND phường Đ tiến hành thực hiện việc giải quyết khiếu nại lại đối với khiếu nại của bà Hoàng Thị T1 (là mẹ của ông Á và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nay đã chết) đối với diện tích đất 92m² tại thửa số 243/1, tờ bản đồ số 40 tại khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo quy định của Luật khiếu nại. Ngày 30/8/2021, UBND phường Đ nhận được yêu cầu khiếu nại lại của ông Lê Văn Á, UBND phường Đ tiến hành thụ lý đơn khiếu nại.

Ủy ban nhân dân phường Đ đã thành lập Tổ xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Lê Văn Á, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 16/9/2021, UBND phường Đ quyết định tạm dừng việc xác minh đơn khiếu nại, đến ngày 11/10/2021, tiếp tục giải quyết đơn. Căn cứ Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại thì Chủ tịch UBND phường Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 là đúng trình tự, thủ tục.

[1.3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ:

- Ngày 07/12/2021, ông Lê Văn Á có đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ với nội dung: Không đồng tình với toàn bộ nội dung tại quyết định số 182/QĐ-UBND. Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại thì Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Lê Văn Á là đúng thẩm quyền.

- Sau khi xem xét đơn khiếu nại của ông Á, ngày 20/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và thành lập tổ xác minh, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức khiếu nại đối với người khiếu nại và các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan. Ngày 27/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành quyết định số 237/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Á.

Như vậy, căn cứ Điều 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại thì việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn Á là đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại.

[1.4] Xét nội dung các quyết định giải quyết khiếu nại thấy:

- Về nguồn gốc đất: Theo lời khai của người khởi kiện thì diện tích 92m² thuộc thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ khu phố A, phường Đ được gia đình bà Hoàng Thị T1, ông Lê Văn D1 (cha mẹ của ông Á) đang khởi kiện

được gia đình bà T1 sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1975. Diện tích 92m² là phần đất giáp ranh giữa vườn bà T1 với vườn bà Nguyễn Thị Q4 (Quơ) được gia đình bà T1 sử dụng trồng cây và đào ao để thoát nước, ngăn rễ cây. Đến năm 1990, Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Q (theo quyết định số 412/QĐ -UB ngày 29/3/1990 và Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 14/12/1990 của UBND tỉnh) đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình bà T1 (nay là phần đường nhựa đang sử dụng); do xây dựng công băng ngang qua đường Q và chính quyền địa phương không cho ai sử dụng phần đất nổi hai đầu cống (trong đó có phần diện tích đất 92m² bà T1 đang khiếu nại) nên gia đình bà T1 không thể tiếp tục sử dụng và để trống cho đến nay.

Tại quyền "*Tạm bộ điền thổ*" ngày 05/10/1965 của thôn A, xã C được Quận trưởng (*chế độ cũ*) quận C chứng nhận thửa đất của gia đình bà Hoàng Thị T1 (nay đã chết, là mẹ của ông Â) được ghi ở số thứ tự 184 là nương ông D1 có diện tích là 954m². Ngày 24/12/1998, UBND phường Đ xác nhận nội dung về nguồn gốc sử dụng thửa đất này do gia đình bà T1 sử dụng từ năm 1956 và được ghi trong sổ điền thổ của làng.

Theo lời khai xác nhận của ông Hoàng Kim Thế t nguồn gốc thửa đất này do ông bà tổ tiên để lại cho bà T1; hiện trạng thửa đất phía Nam giáp đất nhà ông Hoàng Hữu C, phía Tây giáp nhà ông Hoàng P1, phía Đông giáp đường làng, phía Bắc giáp đất vườn bà Nguyễn Thị Q4 (Quơ). Ranh giới giữa vườn bà Hoàng Thị T1 và bà Nguyễn Thị Q4 là một hàng tre. Theo tập quán của địa phương giữa ranh giới vườn có đào một hào sâu vừa thoát nước vừa khỏi để rễ tre ăn ra đất vườn.

Tại biên bản làm việc ngày 24/12/2021 (*bút lục 65*), ông Hoàng Hữu K1 – Khu phố A, phường Đ cũng xác nhận nội dung: Mương thoát nước giữa hộ gia đình bà T1 và bà Q5 khởi nguồn từ phía Tây chạy dọc xuống các hộ, sau đó chảy qua thửa đất của nhà bà Q6, bà T1, mương thoát nước thông qua đường thôn (hiện là đường Q) có ống bi khoảng 0.5m. Mương này trước đây có chiều rộng 1-1.5m, sau khi mở đường Quốc lộ thì được quy hoạch rộng khoảng 7-8m. Sau năm 2001, các hộ phía đầu nguồn đến giáp phần đất bà Q5 và bà T1 không sử dụng mương nước và nhập vào thửa đất của gia đình, còn phần đất giữa bà T1 và bà Q5 vẫn còn mương thoát nước.

Tại biên bản làm việc ngày 12/10/2021, ông Hoàng Hữu T2, ông Lê Văn H4, ông Hoàng Viết S xác nhận nội dung sau: Vườn ông Lê Văn D1, bà Hoàng Thị T1 với vườn bà Nguyễn Thị Q4 (Q5) là sát nhau và đều nằm trong quyền tạm bộ điền thổ của thôn A; ranh giới giữa gia đình bà T1 với gia đình bà Q4 (Q5) có hàng tre và mương thoát nước.

Căn cứ Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại của tổ xác minh UBND thành phố Đ ngày 26/6/2018 (theo Quyết định 1012/QĐ – UBND ngày 15/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ), Tổ xác minh làm việc với người bị khiếu nại là Chủ tịch UBND phường, cán bộ địa chính phường Đ, người bị khiếu nại khẳng định: "*Đến năm 1990, khi thực hiện dự án mở đường Quốc lộ 1A đã mở rộng*

mương thoát nước giữa hai gia đình bà Hoàng Thị T1 và bà Hoàng Thị H5 trên cơ sở mương cũ".

Như vậy, có căn cứ để xác định nguồn gốc thửa đất có từ năm 1956 và ranh giới giữa gia đình bà T1 và bà quy (Q5) là mương thoát nước do các hộ gia đình sử dụng trước đây.

- Năm 1990, khi làm đường Q (đường dẫn vào cầu Đ), Nhà nước đã thu hồi phần đất phía Bắc cầu Đông Hà để xây dựng đường dẫn vào cầu Đ. Theo Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 14/12/1990 của UBND tỉnh thì đã thu hồi một phần diện tích đất toàn tuyến dài 2000m, rộng 31m (cả Taluy) từ ngã tư S đến Bắc cầu Đ, trong đó có hộ bà T1, bà Q4 (Quơ). Như vậy, việc thu hồi này chỉ thu hồi phần đất hai bên đường để mở rộng tuyến đường Q, còn thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40, diện tích đất 92m² mà ông Á đang khởi kiện nằm sâu vào phía trong diện tích đất đã thu hồi. Mặt khác, khi thu hồi để mở rộng đường Q thì gia đình chỉ được đền bù giải phóng mặt bằng, không được đền bù về đất do không có quyết định thu hồi đất.

- Tại quyền *"tạm bộ điền thổ"*, số thứ tự 184 có ghi nương ông D1 diện tích 954m²; theo Quyết định số 1433/QĐ-UB ngày 02/12/1998, UBND tỉnh quyết định giao cho bà Hoàng Thị T1 sử dụng 546m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 06, phường Đ, thị xã (nay là thành phố) Đ (phía Tây Bắc giáp với cống thoát nước) là nằm trong diện tích 954 m² trong quyền *"tạm bộ điền thổ"*. Mặc dù quyền *"tạm bộ điền thổ"* không được liệt kê là một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, nhưng là căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết.

Các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ cho rằng: thửa đất có diện tích 92m² thuộc thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40 là mương thủy lợi do Nhà nước quản lý nằm ngoài diện tích đất được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất (căn cứ vào bản đồ địa chính 2001) và hộ bà T1 chuyển nhượng đất cho ông Khương Trung S1 là đã hết diện tích được cấp giấy CNQSD đất. Tuy nhiên, phần thửa đất còn lại nhà nước thông báo quy hoạch làm cống thoát nước có độ rộng 08m và không cho hộ bà T1 sử dụng. Thửa đất quy hoạch, không thu hồi và để hoang nhiều năm không sử dụng là do các cơ quan có thẩm quyền không giải quyết đúng pháp luật, không đánh giá một cách đầy đủ các loại giấy tờ liên quan về nguồn gốc thửa đất.

Tại biên bản xem xét hiện trạng thửa đất ngày 11/5/2023 và sơ đồ đo vẽ ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thì thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40, diện tích 92m², địa chỉ thửa đất: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị có 4 m² nằm phía Tây Nam thửa đất, tiếp giáp với đất bà Hoàng Thị T1 đã cấp giấy CNQSD đất cho hộ bà Ánh T3. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Á không có ý kiến về việc cấp này, đồng ý với diện tích đất còn lại 88m². Thửa đất có vị trí: phía Nam tiếp giáp Công ty TNHH T5; phía Bắc tiếp giáp với Công ty TNHH MTV T6; phía Đông tiếp giáp với Quốc lộ A; phía Tây tiếp giáp với

Công ty TNHH X. Hiện trạng thửa đất: nền đất trũng, bỏ hoang, trên đất không có tài sản gì.

- Đối với hồ sơ 299: Thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, tại phường Đ hiện nay không có hồ sơ và bản đồ đo đạc của hồ sơ 299 lưu trữ, hồ sơ 299 đã bị thất lạc.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40 có nguồn gốc của hộ bà T3. Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thấy bà T3 đủ điều kiện được xem xét cấp đất theo quy định. Do bà T3 đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 gồm ông Lê Văn Á, ông Lê Văn Q, bà Trương Thị T, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2 được cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 88m² thuộc thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ pháp luật. Nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại số 237/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bản án sơ thẩm đã tuyên hủy các quyết định này là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Do người bị kiện bị bác kháng cáo nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000016 ngày 24/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái